

tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Minh L1, sinh năm 1970; con bà Lê Thị C, sinh năm 1975; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 02/4/2015, bị Công an thành phố Thanh Hóa xử phạt 325.000 đồng về hành vi “Đánh nhau”. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/6/2020 đến ngày 18/6/2020 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Đến ngày 06/8/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt).

3. Lê Quốc B1; sinh ngày: 03/12/2002, tại: thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Phố 2, phường Tào X, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Không rõ; con bà: Lê Thị N; sinh năm 1961; vợ, con: chưa có; Tiền án; tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 24/11/2017, bị cáo bị Chủ tịch UBND xã Hoàng L, thành phố Thanh H, xử phạt: Cảnh cáo về hành vi “Hủy hoại tài sản của người khác”; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/6/2020 đến ngày 16/6/2020 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Đến ngày 06/8/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt).

- Bà Lê Thị N, sinh năm 1961 (mẹ đẻ của bị cáo Lê Quốc B1), có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Trần Ngọc T, Cao Đại Đ, Nguyễn Xuân T1, Nguyễn Tuấn A, Lê Thị H1, Lê Minh Đ1 và bị hại chị Phạm Thị Hà A1, Chị Nguyễn Thúy M, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trịnh Minh L2 không có kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 3/2020 thông qua mạng xã hội Facebook, chị Rơ Lan H2, sinh ngày 25/5/2003 và chị Ka Púi H3, sinh ngày 12/9/2003 cùng trú tại Làng K, xã Ia K, huyện Đức C, tỉnh Gia Lai quen biết chị Phạm Thị T2, sinh năm 2001; trú tại thôn M, xã Cẩm T, huyện Cẩm T, tỉnh Thanh Hoá là nhân viên quán karaoke Trúc 2, có địa chỉ tại thị trấn Quán L, huyện Yên Đ, tỉnh Thanh Hoá. Thông qua việc nhắn tin trò chuyện nên chị T2 biết chị Rơ Lan H2 và chị Ka Púi H3 đang tìm việc làm, do đó chị T2 rủ 02 người về chỗ của chị T2 để làm nhân viên quán hát Karaoke thì cả hai đồng ý. Do không có tiền đi xe khách ra tỉnh Thanh Hoá nên chị Rơ Lan H2 và chị Ka Púi H3 liên lạc với Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1996 trú tại thôn Mỹ L, xã Định T, huyện Yên Đ, tỉnh Thanh Hoá, làm quản lý nhân viên quán Karaoke Trúc 2 lúc này đang ở thành phố Hồ Chí Minh để nhờ giúp đỡ. Sau đó, T1 trả tiền xe khách để đưa cả hai về Thanh Hoá làm nhân viên dưới sự quản lý của mình. Tại quán Karaoke Trúc 2, chị Rơ Lan H2 và chị Ka Púi H3 được bố trí nuôi ăn, ở và được trả lương theo giờ phục vụ, nhiệm vụ của các chị là phục vụ chọn bài hát, rót bia và hát cùng khách hát Karaoke.

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên các quán Karaoke phải tạm dừng hoạt động, không có khả năng nuôi nhân viên nên T1 đăng thông tin lên

Facebook chuyển nhượng chị Rơ Lan H2 và chị Ka Púi H3 cho quán Karaoke khác. Biết việc T1 đang chuyển nhượng nhân viên và biết Trần Ngọc T, sinh năm 1988; Cao Đại Đ, sinh năm 1988 cùng trú tại xã Hoằng L, huyện Hoằng H, tỉnh Thanh Hoá là quản lý nhân viên quán Karaoke 268 ở xã Hoằng L, huyện Hoằng H đang cần tuyển nhân viên nữ nên Lê Thị H1, sinh năm 1991, trú tại thôn Phụng K, xã Hoằng L, huyện Hoằng H, tỉnh Thanh Hoá đã cung cấp thông tin cho T và Đ để thực hiện hành vi mua bán người với Nguyễn Xuân T1. T và Đ đồng ý mua nhân viên của T1 và nhờ Lê Thị H1 liên lạc để thống nhất giá cả, thời gian giao dịch. H1 liên lạc với T1 để mua nhân viên, T1 đề nghị giá bán hai người là 05 triệu đồng. Sau đó, chiều ngày 31/3/2020 nhóm của T, Đ, H1 thuê xe từ huyện Hoằng H đi đến thị trấn Quán L, huyện Yên Đ gặp T1 thoả thuận mua 02 nhân viên, do nhân viên có ngoại hình không đẹp nên hai bên mặc cả hạ giá số tiền phải thanh toán xuống là 3.000.000 đồng rồi nhóm T, Đ, H1 thanh toán tiền cho T1, rồi sau đó đưa chị Rơ Lan H2 và chị Ka Púi H3 về làm nhân viên cho quán Karaoke cho mình. Làm việc cho T và Đ được một thời gian, do không muốn tiếp tục làm nữa nên chị Ka Púi H3 đã xin về quê sinh sống, còn Hơ Lan H2 ở lại tiếp tục làm việc.

* Vụ thứ 2: Khoảng cuối tháng 4/2020 Lê Quốc B1, sinh năm 2002 trú tại Phô 2, phường Tào X, thành phố T thông qua mạng xã hội Facebook nên quen biết và yêu chị Phạm Thị Hà A1, sinh ngày 03/10/2005 trú tại xã Kỳ T, huyện Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh. Do Hà A1 không có việc làm nên Lê Quốc B1 rủ Hà A1 về Thanh Hoá để làm nhân viên quán Karaoke, Hà A1 đồng ý và rủ bạn là Nguyễn Thuý M, sinh ngày 07/11/2003 trú tại xã Phú L, huyện Vị X, tỉnh Hà Giang đi làm cùng mình. Lê Quốc B1 rủ thêm Lê Văn L, sinh năm 1997 trú tại Phô 2, phường Tào X, thành phố T cùng tham gia đón Phạm Thị Hà A1 và Nguyễn Thuý M về phường Tào X, thành phố T để quản lý và tìm việc cho họ nhằm kiếm lời. Sau đó, B1, L cùng với Lê Minh Đ1, sinh năm 1996 trú tại phố Thành K, phường Tào X, thành phố T làm đầu mối cho các quán Karaoke trên địa bàn thành phố T để đưa đón Hà A1 và Thuý M làm nhân viên phòng hát theo giờ và hưởng một phần tiền hoa hồng từ lao động của họ.

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 không có việc làm tại các quán Karaoke nên Hà A1 và Thuý M xin về nhưng B1 và L không đồng ý cho về và yêu cầu hai chị phải ở lại phòng trọ do B1 và L thuê có địa chỉ tại số nhà 59 phố Thành K, phường Tào X, thành phố T. Ngày 20/5/2020 thấy Hà A1 và Thuý M chuẩn bị quần áo, hành lý để lên bỏ trốn khỏi phòng trọ thì B1 ngăn không cho họ rời đi và báo sự việc cho L biết. L yêu cầu B1 giám sát chặt chẽ 02 nhân viên, khoá cửa nhốt chị Hà A1 và chị Thuý M trong nhà trọ nếu B1 đi ra ngoài. Trong thời gian bị nhốt ở phòng trọ, thông qua mạng xã hội Facebook, Hà A1 quen biết và liên lạc với Hoàng Ngọc B, sinh năm 1999 trú tại xã Hoằng C, huyện Hoằng H, tỉnh Thanh Hoá. Hà A1 nói cho B1 biết về việc đang làm nhân viên quán hát tại phường Tào X, thành phố T, hiện tại không có việc làm, muốn về nhà nhưng bị Lê Văn L và Lê Quốc B1 nhốt lại, không cho về. Do Hoàng Ngọc B cũng làm quản lý và chở nhân viên nữ đi phục vụ quán hát Karaoke cho Trần Ngọc T và Cao Đại Đ, biết T và Đ đang cần tìm thêm nhân viên phục vụ quán hát nên

Hoàng Ngọc B nói lại sự việc của Hà A1 cho T, Đ biết để đưa Hà A1 và Thuý M về làm nhân viên. Cao Đại Đ biết bạn là Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1992 trú tại phường Tào X, thành phố T có quan hệ quen biết với Lê Minh Đ1 nên Cao Đại Đ nhờ Nguyễn Tuấn A1 liên lạc và đi cùng để đứng ra nói chuyện với Đ1 giúp T, Đ thoả thuận trong việc mua bán người, Tuấn A đồng ý.

Chiều ngày 24/5/2020 Nguyễn Tuấn A dẫn T, Đ và B1 tới gặp Lê Minh Đ1 tại phường Tào X, thành phố T để thoả thuận việc mua bán chị Phạm Thị Hà A1 và chị Nguyễn Thuý M. Tại đây, hai bên chưa thống nhất được việc mua bán người do Đ1 không đồng ý bán cả 02 nhân viên. Sau đó, Tuấn A rủ mọi người đến uống bia tại quán ở khu đô thị Hoàng L, thành phố T. Trong khi uống bia, T, Đ nhờ Tuấn A gọi Đ1 đến cùng ăn uống để thoả thuận việc mua bán người, Tuấn A đồng ý và gọi điện thoại cho Đ1 đến. Một lúc sau, Đ1 đi xe máy đến, tại quán bia, qua trao đổi, thoả thuận, Lê Minh Đ1 đồng ý bán chị Hà A1 và chị Thuý M cho T và Đ với giá 14.000.000 đồng. Đ cùng Tuấn A thanh toán tiền cho Đ1 rồi bắt xe tắc xi đưa chị Hà A1, chị Thuý M về huyện Hoàng H. Sau đó, T, Đ bố trí cho Hà A1, Thuý M ăn ở tại nhà nghỉ 268 thuộc xã Hoàng L, huyện Hoàng H, tỉnh Thanh Hóa và buộc hai chị phải làm nhân viên quán hát dưới sự quản lý của T và Đ.

Ngày 09/6/2020, sau khi có thông tin từ quần chúng nhân dân phản ánh hành vi vi phạm pháp luật của các đối tượng nói trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hoá tiến hành triệu tập, làm việc đối với: Trần Ngọc T, Nguyễn Xuân T1, Nguyễn Tuấn A, Lê Quốc B1. Nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên Trần Ngọc T, Nguyễn Xuân T1, Nguyễn Tuấn A, Lê Quốc B1 đã xin đầu thú và khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đến ngày 11/6/2020 Lê Minh Đ1 đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hoá xin đầu thú và khai báo hành vi phạm tội. Ngày 12/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hoá tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lê Văn L. Tại cơ quan điều tra, lời khai của các đối tượng phù hợp với tài liệu điều tra đã thu thập được.

* Kết quả xác định hiện trường:

- Hiện trường vụ Giữ người trái pháp luật:

Hiện trường nơi xảy ra vụ án được xác định tại nhà trọ tại số nhà 59 phố Thành K, phường Tào X, thành phố T. Căn nhà thuộc dạng nhà cấp 4, dạng nhà ống 01 tầng, mái đổ bê tông kiên cố, nhà ngoảnh mặt hướng Đông tiếp giáp với QL1A, hướng Tây giáp với ao tự nhiên, hướng Bắc giáp với nhà bà Hồ Thị N1, hướng Nam giáp với nhà ông Vũ Ngọc L3.

Ngôi nhà được xây dựng trên diện tích sàn KT (5x20)m, bài trí thành 04 gian ở, bên ngoài là cửa xếp bằng sắt kiên cố có khoá, cuối nhà là hướng cụt không có cửa thông ra ngoài. Nhìn từ bên ngoài vào trong lần lượt là: Gian chính (phòng khách) có quạt, bộ bàn ghế nhựa màu xanh chuối, 01 máy bắn cá cũ đã qua sử dụng. Tiếp đến là phòng ngủ, bên trong có kê 01 chiếc đệm cũ nơi được xác định các bị hại là nhân viên quán karaoke đã bị giữ trái pháp luật tại đây. Tiếp theo là khu bếp ăn, hiện đang có bát đũa, nồi lộn xộn. Cuối cùng là

khu vực nhà kho đựng đồ đạc cũ, không có cửa hậu, được thiết kế cửa sổ có song sắt kiên cố, không có lối thoát ra ngoài.

- Hiện trường nơi các bị cáo thỏa thuận việc mua bán các bị hại được xác định như sau:

Hiện trường nơi xảy ra việc các đối tượng bàn bạc, thỏa thuận mua, bán các bị hại được xác định tại Quán bia Nghi H có địa chỉ tại Lô 02A10, khu đô thị Hoàng L, phường Tào X, thành phố T. Quán mở 02 mặt tiền hướng Đông và hướng Bắc tiếp giáp với đường nội bộ của khu đô thị, phía Nam và phía Tây tiếp giáp nhà dân. Quán được xây dựng dạng nhà ống cấp 04, lợp mái tôn màu xanh kiên cố, gian chính bên ngoài được bài trí bàn ghế nhựa màu đỏ để khách ngồi uống bia, gian trong bố trí làm bếp ăn phục vụ.

Căn cứ lời khai các bị can xác định, bàn ăn đầu tiên nhìn từ hướng của phía Đông của quán vào trong, sát tường phía Nam là địa điểm các bị can ngồi uống bia để thỏa thuận, bàn bạc việc mua, bán các bị hại là nhân viên quán karaoke cho nhau.

Quá trình xác định lại hiện trường tiến hành chụp ảnh, vẽ sơ đồ, không phát hiện thu giữ dấu vết, đồ vật, tài liệu gì khác.

* Phần bồi thường dân sự tại cấp sơ thẩm:

Đại diện hợp pháp của người bị hại Phạm Thị Hà A1 và Nguyễn Thuý M không yêu cầu các bị cáo bồi thường về phần dân sự; đại diện hợp pháp bị hại Nguyễn Thuý M đề nghị xử lý các bị cáo theo quy định pháp luật; Bị hại Phạm Thị Hà A1 đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo; xem xét mức hình phạt thấp nhất đối với các bị cáo Lê Minh Đ1, Lê Văn L và Lê Quốc B1.

Ngày 05/11/2020 ông Rơ Lan C1, sinh năm 1976 ở Làng Y, xã Ia L, huyện Đức C, tỉnh Gia Lai (là người đại diện gia đình) bị hại Ka Púi H3 và Rơ Lan H2 yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 15.000.000 đồng, gia đình bị cáo T đã bồi thường. Nay không yêu cầu bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2021/HS-ST ngày 15, 16/4/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, quyết định:

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 150; điểm a khoản 1 Điều 151; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 55; Điều 56; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với Hoàng Ngọc B.

Căn cứ: điểm đ, e khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với Lê Văn L.

Căn cứ điểm đ, e khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với Lê Quốc B1;

Tuyên bố: Hoàng Ngọc B về tội “Mua bán người” và “Mua bán người dưới 16 tuổi”; bị cáo Lê Văn L, Lê Quốc B1 về tội “Giữ người trái pháp luật”

+ Xử phạt: Hoàng Ngọc B 06 năm tù “Mua bán người ” và 08 năm tháng tù tội “Mua bán người dưới 16 tuổi”; Tổng hợp với 30 tháng tù tại Bản án số 59/2020/HS-ST ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hoàng H. Buộc Hoàng Ngọc B phải chấp hành hình phạt chung hai bản án là 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/12/2017 đến ngày 05/02/2018 của bản án trước. Thời hạn thi hành án tính từ ngày 25/5/2020.

+ Xử phạt: Lê Văn L 36 (ba mươi sáu) tháng tù “Giữ người trái pháp luật”, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 16/6/2020 đến ngày 06/8/2020. Thời hạn chấp hành án tính từ ngày bắt đi thi hành án.

+ Xử phạt: Lê Quốc B1 24 (hai mươi tư) tháng tù “Giữ người trái pháp luật”, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 10/6/2020 đến ngày 06/8/2020. Thời hạn thi hành án tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam

Ngoài ra, bản án còn tuyên phần tội danh, hình phạt đối với bị cáo Trần Ngọc T, Cao Đại Đ, Lê Minh Đ1, Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Xuân T1, Lê Thị H1, tuyên phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/4/2021, bị cáo Lê Quốc B1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 20/4/2021, bị cáo Lê Văn L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 29/4/2021, bị cáo Hoàng Ngọc B có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Hoàng Ngọc B rút kháng cáo.

- Bị cáo Lê Văn L giữ nguyên kháng cáo và trình bày thống nhất với nội dung của bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì ông Ngoại bị cáo được tặng thưởng Bằng khen, bản thân bị cáo không biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật.

- Bị cáo Lê Quốc B1 giữ kháng cáo và trình bày thống nhất với nội dung của bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, bản thân bị cáo không biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật và bị cáo chỉ là người đi làm thuê, khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi.

Bà Lê Thị N (mẹ của bị cáo Lê Quốc B) trình bày thống nhất với trình bày của bị cáo Lê Quốc B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo Hoàng Ngọc B, Lê Văn L và Lê Quốc B1 trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Hoàng Ngọc B rút kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định tội danh và xử phạt các bị cáo là có căn cứ và hợp lý. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Văn L và Lê Quốc B1 không đưa ra được căn cứ nào làm tình tiết giảm nhẹ mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 348 Điều 355, 356 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Hoàng Ngọc B; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Văn L và Lê Quốc B1; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo Lê Văn L và Lê Quốc B1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo Hoàng Ngọc B, Lê Văn L và Lê Quốc B1 trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Hoàng Ngọc B rút kháng cáo, nên Hội đồng xét xử chỉ xét kháng cáo của các bị cáo Lê Văn L và Lê Quốc B1.

[2] Về nội dung: Lời khai của các bị cáo Lê Văn L và Lê Quốc B1 tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác không có kháng cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và tài liệu chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Do đó, có căn cứ kết luận: Vào tháng 3 và tháng 5 năm 2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên các quán Karaoke phải tạm dừng hoạt động, không có khả năng trả công cho nhân viên. Nên, các bị cáo thông qua sự giới thiệu, chuyển nhượng, dẫn dắt các nhân viên phục vụ từ quán Karaoke này sang quán Karaoke khác và lợi dụng sự cả tin của các bị hại và với việc hám lợi rồi cùng nhau trao đổi, mua bán, giữ người trái pháp luật là những người phụ nữ và nữ giới dưới 16 tuổi làm nhân viên phục vụ quán hát Karaoke, cụ thể:

Ngày 31/3/2020, Nguyễn Xuân T1 cùng Lê Thị H1 đã bán chị Ka Púi H3 và chị Rơ Lan H2 cho Trần Ngọc T và Cao Đại Đ tiếp nhận, mua về với số tiền 3.000.000 đồng.

Ngày 24/5/2020, Trần Ngọc T và Cao Đại Đ còn mua chị Phạm Thị Hà A1 (chưa đủ 16 tuổi) và chị Nguyễn Thuý M từ bị cáo Lê Minh Đ1 với số tiền 14.000.000 đồng. Hành vi mua 02 lần 04 bị hại và có 01 bị hại dưới 16 tuổi (cháu Phạm Thị Hà A1, sinh ngày 03/10/2005) của bị cáo T và Đ trong vụ án. Nên, hành vi của các bị cáo T và Đ phạm vào tội “Mua bán người”, “Mua bán người dưới 16 tuổi” theo quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 150 và điểm a khoản 1 Điều 151 Bộ luật Hình sự;

Hành vi của Nguyễn Xuân T1 và Lê Thị H1 nêu trên đã phạm vào tội “Mua bán người ” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự.

Ngày 24/5/2020, Lê Minh Đ1 qua sự giới thiệu, chỉ dẫn, giúp sức của bị cáo Hoàng Ngọc B và Nguyễn Tuấn A thì bị cáo Đ1 đã chuyển giao bán cháu Phạm Thị Hà A1 (sinh ngày 03/10/2005) và chị Nguyễn Thuý M1 với số tiền 14.000.000 đồng cho bị cáo T và Đ. Do đó, các bị cáo đã phạm vào tội “Mua bán người”, “Mua bán người dưới 16 tuổi” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 150 và điểm a khoản 1 Điều 151 Bộ luật Hình sự.

Ngày 20/5/2020, các bị cáo Lê Văn L, Lê Quốc B1 đã nhốt, giữ trái ý muốn chị Phạm Thị Hà A1 (sinh ngày 03/10/2005) và chị Nguyễn Thuý M (sinh ngày 07/11/2003) tại nhà trọ số nhà 59, phố Thành K, phường Tào X, thành phố T trái pháp luật đã phạm vào tội “Giữ người trái pháp luật” theo quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự;

[3] Hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền nhân thân của con người, ảnh hưởng đến trật tự công cộng, thể hiện sự coi thường pháp luật và gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử nghiêm, cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và làm bài học răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét vai trò của các bị cáo: Trong vụ án có nhiều bị cáo cùng tham gia, song không có sự bàn bạc và cấu kết chặt chẽ với nhau nên thuộc dạng đồng phạm giản đơn.

[4.1] Đối với tội “Mua bán người”, “Mua bán người dưới 16 tuổi”: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định vai trò đối với từng bị cáo là có căn cứ.

[4.2] Đối với tội “Giữ người trái pháp luật” bị cáo Lê Văn L, bị cáo Lê Quốc B1 cùng nhau trông giữ bị hại, khóa cửa phòng không cho ra ngoài, nên có vai trò như nhau.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Lê Văn L và Lê Quốc B1:

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Lê Văn L và Lê Quốc B1 không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

- Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Lê Văn L và Lê Quốc B1 đều thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Lê Quốc B1 sau khi phạm tội đã đến cơ quan Công an đầu thú khai báo hành vi phạm tội của mình, nên được xem xét tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo Lê Quốc B1 khi phạm tội đã đủ 16 tuổi nhưng dưới 18 tuổi, nên xem xét áp dụng Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự; ngoài ra, phía bị hại xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tòa án cấp sơ thẩm xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo khác và xem xét về trách nhiệm dân sự, xử phạt và tổng hợp hình phạt như quyết định của bản án sơ thẩm của các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

[6] Các bị cáo Hoàng Ngọc B, Lê Văn L và Lê Quốc B1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[6.1] Đối với kháng cáo của bị cáo Hoàng Ngọc B: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo rút kháng cáo, nên Hội đồng xét xử không xét và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo theo qui định của pháp luật.

[6.2] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Văn L: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì ông Ngoại của bị cáo được tặng thưởng Bằng khen, do nhận thức nên bản thân bị cáo không biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy với mức án như quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp và căn cứ bị cáo đưa ra tại phiên tòa phúc thẩm không làm thay đổi mức hình phạt của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo và cần giữ nguyên bản án sơ thẩm và phù hợp với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[6.3] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Quốc B1: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, vì bản thân bị cáo không biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật và bị cáo chỉ là người đi làm thuê, khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết giảm nhẹ và độ tuổi khi phạm tội cùng với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội cho bị cáo; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào khác so với phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo; cần thiết phải giữ nguyên bản án sơ thẩm và phù hợp với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Quốc B1 đã đủ 18 tuổi và do không được chấp nhận kháng cáo, nên các bị cáo Lê Văn L và Lê Quốc B1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Đối với bị cáo Hoàng Ngọc B, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo rút kháng cáo, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Hoàng Ngọc B;

[2]. Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Văn L và Lê Quốc B1, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2021/HS-ST ngày 15, 16/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn L, Lê Quốc B1 phạm tội “Giữ người trái pháp luật”;

+ Căn cứ: điểm đ, e khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Lê Văn L 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày thi hành án được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/6/2020 đến ngày 06/8/2020.

+ Căn cứ điểm đ, e khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự, với Lê Quốc B1;

Xử phạt: Lê Quốc B1 24 (hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày thi hành án được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/6/2020 đến ngày 06/8/2020.

[3]. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Lê Văn L và Lê Quốc B1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa (03 bản);
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo B (qua trại);
- Các bị cáo tại ngoại (theo địa chỉ);
- Lưu: HS; Phòng-HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hưng